

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 03 - 2021

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lò Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Khệt.

2. Bà Quảng Thị Hỏa.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn, thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Quảng Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản Nà Ten, xã Bó Mười, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Cà Thị N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản Nà Nong, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện 13/8/2020 và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Quảng Văn T trình bày: anh T và chị Cà Thị N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 9/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng thời gian sau (từ năm 2017 đến nay) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, chị N đã bỏ nhà đi, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Từ đầu tháng 9 năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân nên chưa có con chung, tình cảm không còn anh T đề nghị xin được ly hôn; về tài sản chung anh T xác định anh chị không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Tại biên bản xác minh ngày 13/01/2021 đối với Ủy ban nhân dân xã MB, xác định chị N hiện đang sinh sống tại địa phương, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, anh T có yêu cầu ban hòa giải của xã tiến hành hòa giải nhưng chị N không hợp tác để hòa giải (luôn vắng mặt), nên hòa giải không thành. Từ năm 2017 đến nay anh chị đã sống ly thân.

Tòa án đã giao thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để chị N trình bày ý kiến, lấy lời khai nhưng chị N cố tình vắng mặt.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/01/2021, anh T không thay đổi về phạm vi yêu cầu khởi kiện, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Cùng ngày, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng chị N không có mặt, anh T đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Quảng Văn T trình bày ý kiến tranh luận vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Cà Thị N, xin tự chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Cà Thị N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Qua kiểm sát vụ án thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: chấp nhận cho anh Quảng Văn T ly hôn với chị Cà Thị N; buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn anh Quảng Văn T khởi kiện đối với bị đơn chị Cà Thị N có nơi cư trú tại bản N, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Cà Thị N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Cà Thị N.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Quàng Văn T và chị Cà Thị N tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn ngày 09/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MB là sự thật và quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh thấy: sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, chị N đã bỏ nhà chồng đi, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, tình nghĩa vợ chồng không bảo đảm, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của anh T là sự thật, có căn cứ phù hợp với ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã MB, biên bản xác minh với ông Cà Văn K (chú ruột của chị Cà Thị N), biên bản xác minh với ông Quàng Văn M (bố đẻ của anh Quàng Văn T) và nội dung sự việc ghi trong Báo cáo của Ban hòa giải xã được chính quyền địa phương xác nhận. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng giải phóng cho anh chị để ổn định cuộc sống về sau, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho anh T được ly hôn với chị N.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quàng Văn T xác định anh chị chưa có con chung và hiện tại chị N không có thai.

[5] Về tài sản chung: Anh Quàng Văn T xác định anh chị chưa có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về vay nợ chung: Anh Quàng Văn T xác định anh chị không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: anh Quàng Văn T là người dân tộc thiểu số nhưng không sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn nên không thuộc đối tượng được miễn án phí. Do đó, anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Quàng Văn T được ly hôn chị Cà Thị N.

2. Về án phí: Anh Quảng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004070 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/03/2021), riêng chị Cà Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML;
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La
(để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Thị Mai Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quàng Thị Hỏa

Lò Văn Khết

Lò Thị Mai Hương

